

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HS-PT

Ngày: 10-01-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Chấn

Ông Phạm Tấn Tài

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Bảo Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 194/2022/HSPT ngày 14 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thị V. do có kháng cáo của bị cáo V. đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.:

*Bị cáo có kháng cáo:*

Trần Thị V. (Út V.), sinh năm 1978; nơi sinh: huyện A., tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 05, khóm VC. 2, phường V.Ng., thành phố Đ., tỉnh An Giang; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 03/12; nghề nghiệp: Mua bán; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C. (đã chết) và bà Nguyễn Thị T. (đã chết); chồng là Hoàng Văn N., sinh năm 1971 và có con 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/11/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Hùng T1. là Luật sư của Văn phòng Luật sư V.P. thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*(Trong vụ án, còn các bị cáo Trần Thị D., Lê Văn L., người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 27/02/2021, lực lượng phối hợp liên ngành chống buôn lậu tỉnh An Giang và Công an phường V.Ng., thành phố Đ., tiến hành kiểm tra hành chính 03 căn nhà số 193; số 276 đường Tuy Biên, khóm VC. 2, phường V.Ng. và số 142 đường Phan Xích Long, khóm V.T., thuộc phường V.Ng., thành phố Đ., qua đó phát hiện cả 03 căn nhà trên chứa hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ là các mặt hàng điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia dụng, đồ sành sứ đã qua sử dụng. Lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản tạm giữ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ. xác minh, xử lý theo luật định. Qua xác minh, xác định những người liên quan gồm: Trần Thị V., Trần Thị D. (chị ruột V.) và Lê Văn L.; mời làm việc, cả ba thừa nhận 02 căn nhà số 276 đường Tuy Biên và số 142 đường Phan Xích Long là của Trần Thị V.; nhà số 193 đường Tuy Biên là của Nguyễn Thị T. (mẹ ruột V.), D. đang sống tại đây. Số hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ mà Công an thu giữ tại 03 căn nhà là của V. mang từ Gò T.M. (ấp T.M., xã X, huyện B.a, tỉnh Tà Keo, vương quốc Campuchia) về phường V.Ng., thành phố Đ., tỉnh An Giang, bán kiếm lời; L. và D. được V. thuê, giúp V. trông coi, dọn rửa và sửa chữa những hàng hóa này.

***Vật chứng thu giữ:***

(1) Hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ là các mặt hàng điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia dụng, đồ sành sứ đã qua sử dụng (theo Phụ lục I, II, III Bảng kê tang vật theo Biên bản vi phạm hành chính số 0155943/BB-VPHC; số 0155944/BB-VPHC; số 0155945/BB-VPHC do Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh An Giang lập ngày 27/02/2021 tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm VC. 2 và số 142 đường Phan Xích Long, khóm V.T., thuộc phường V.Ng., thành phố Đ.);

(2) 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Super Cub, màu xanh đen, biển số 59X3 - 247.82;

(3) 14 loa nghe nhạc; 01 máy casset; 02 âm ly và 02 mixer;

(4) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen (của Lê Văn L.);

(5) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo 2015, màu xanh đen (của Đoàn Thị Thu Hà);

(6) Tiền Việt Nam 5.000.000 đồng (của ông Lê Văn Nh., cha ruột Lê Văn L. thay L. nộp lại một phần tiền L. đã hưởng lợi);

(7) 01 USB nhãn hiệu Kingmax loại 64GB lưu trữ 14 file video ghi hình việc phát hiện, tạm giữ hàng hóa tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm VC. 2 và số 142 đường Phan Xích Long, khóm V.T., thuộc phường V.Ng., thành phố Đ., vào ngày 27/02/2021.

(8) 01 USB nhãn hiệu Kingmax loại 64GB lưu trữ 25 đoạn video livestream bán hàng của tài khoản Facebook “Đồ Gia Dụng Nhật” và “Trùm Sĩ Ôm Lô” của Đoàn Thị Thu H. trong thời gian từ ngày 25/5/2020 đến ngày 10/01/2021 (trong đó, có 13 đoạn video livestream tại nhà số 142 Phan Xích Long, 09 đoạn video livestream tại nhà số 276 Tuy Biên) và 02 đoạn video livestream bán hàng của tài khoản Facebook “Đoàn H.” của Đoàn Thị Thu H. tại nhà số 142 Phan Xích Long vào các ngày 13/9/2020 và 05/11/2020, được trích xuất giọng nói dịch thành văn bản 05 file video, có tiếng nói của Trần Thị V. (ký hiệu số 1).

(9) 01 USB nhãn hiệu Kingmax, loại 04GB, lưu trữ 01 file âm thanh tên “FILE\_20211201\_170133\_Ghi tiêu chuẩn 1.mp3” do Huỳnh Thị T1. giao nộp, ghi âm cuộc nói chuyện giữa Trần Thị V. với Huỳnh Thị T1., nội dung V. hướng dẫn T1. khai báo với Cơ quan điều tra nhằm che giấu hành vi phạm tội, được trích xuất giọng nói dịch thành văn bản 01 file âm thanh, có tiếng nói của Trần Thị V. (ký hiệu số 2).

(10) 01 USB nhãn hiệu Toshiba, loại 16GB, lưu trữ ghi âm giọng nói của Trần Thị V. (ký hiệu số 3). Tất cả 04 USB lưu kèm hồ sơ vụ án.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05.8.07/KL-HĐĐG.TTHS ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh An Giang, ghi nhận: Tài sản là hàng hóa thu giữ, có giá trị 315.740.000 đồng (Trong đó, nhà số 193: 116.830.000 đồng; nhà số 276: 116.060.000 đồng; nhà số 142: 82.850.000 đồng). Tại Cáo trạng số 23/CT-VKSCĐ-HS ngày 29/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ. truy tố Trần Thị V. theo khoản 2 Điều 188 BLHS; bị cáo Trần Thị D., Lê Văn L. theo khoản 1 Điều 188 BLHS.

Ngày 26/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đ. tiến hành mở phiên tòa hình sự sơ thẩm, đến ngày 28/4/2022 Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, làm rõ thu thập thêm về chứng cứ, định giá tài sản lại theo luật định.

Sau khi thu thập chứng cứ, điều tra bổ sung, cơ quan Cảnh sát điều tra ra Kết luận điều tra bổ sung. Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08.22.15/KLHĐĐG.TTHS ngày 11/7/2022 của Hội đồng Định giá theo vụ việc cấp tỉnh, ghi nhận: Tài sản là hàng hóa thu giữ, có giá trị 293.348.300 đồng (Trong đó, nhà số 193 hàng hóa thu giữ, có giá trị 109.410.390 đồng; nhà số 276 hàng hóa thu giữ, có giá trị 103.122.680 đồng; nhà số 142 hàng hóa thu giữ, có giá trị 80.815.230 đồng).

Cáo trạng số 54/CT-VKSCĐ-HS ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ. đã truy tố các bị cáo Trần Thị V., Trần Thị D., Lê Văn L. về tội “Buôn lậu” theo khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Trần Thị V. 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giam 23/11/2021.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 299, khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Xử phạt Trần Thị D. 11 (mười một) tháng 05 (năm) ngày tù bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam. Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo D., nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Lê Văn L. 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giam 04/10/2021.

Ngoài ra án sơ thẩm còn buộc bị cáo Trần Thị V. nộp phạt số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2022 bị cáo Trần Thị V. làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trần Thị V. vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Bị cáo trình bày: Sau khi xét xử, bị cáo đã thấy được sai phạm, nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo rất ăn năn hối hận. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo được sớm trở về lo cho gia đình, lo cho con nhỏ.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Trần Thị V. kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá, áp dụng đầy đủ, đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị V. 02 năm tù về tội “Buôn lậu”. Đây là mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Trần Thị V. kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xuất trình biên lai đã nộp xong hình phạt bổ sung với số tiền 40.000.000 đồng và được nhiều người dân nơi bị cáo sinh sống có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có xác nhận của UBND phường V.Ng., thành phố Đ.. Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị V., có thể

xử phạt bị cáo từ 01 năm 08 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

*Ông Lê Hùng T. là người bào chữa cho bị cáo có ý kiến trình bày:* Không có ý kiến tranh luận về tội danh. Về phần hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét, bị cáo không có tiền án tiền sự, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha tham gia cách mạng, từng bị tù đầy, có nhiều đóng góp trong kháng chiến chống Mỹ và chồng phục vụ trong lực lượng vũ trang, có nhiều công hiến, đóng góp trong bảo vệ biên giới lãnh thổ được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Ngoài ra, trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp xong số tiền hình phạt bổ sung là 40.000.000 đồng và được nhiều người dân nơi bị cáo cư trú xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo cũng đã có nhiều đóng góp cho địa phương trong thời gian diễn ra dịch bệnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, có thể xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù, dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Bị cáo Trần Thị V. kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

*[2] Về nội dung:*

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị V. tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đồng thời cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Trần Thị V. đã có hành vi buôn bán hàng hóa qua biên giới trái pháp luật, tổng trị giá hàng hóa thu giữ qua định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang tại 03 căn nhà có địa chỉ số 193, số 276 đường Tuy Biên, khóm VC. 2 và số 142 đường Phan Xích Long, khóm V.T., phường V.Ng., thành phố Đ. là 293.348.300 đồng. Trong đó, Trần Thị D. giúp cho V. dọn rửa hàng cũ thành hàng như mới tại nhà số 193 và số 276 đường Tuy Biên với tổng trị giá 212.532.970 đồng; Lê Văn L. giúp cho V. đến kho ở Gò T.M., đóng gói hàng cho người đại chuyển về; nhận hàng và dọn rửa hàng cũ thành hàng như mới chữa tại nhà số 142, 276 với tổng trị giá là 183.937.910 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Buôn lậu” theo khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

*Đối với:*

- Tô Thị D1. và Lê Văn H1., ngoài lời khai của các bị cáo Trần Thị D. và Lê Văn L. thì không có chứng cứ chứng minh D1., H1. có làm thuê và tiếp V.

trong việc buôn bán hàng hóa mang từ Gò T.M. nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đoàn Thị Thu H2., Đoàn Thị Thu H3., Huỳnh Thị T1., Võ Thị Kim N1., Trương Thanh H4., Trương Đình Phúc H5. và Hoàng Văn N2. đã mua hàng hóa do Trần Thị V. mang từ Gò T.M. về bán; tuy không xử lý nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa là phù hợp.

- Huỳnh Hoàng T2. (Tuấn Già), Nguyễn Tấn H6., Nguyễn Văn Qu., Nguyễn Nhật L1. và Nguyễn Thanh H7., Lê Hoàng B., Đào Văn Th1., Trần Văn V., Trương Văn Đ. và Lê Minh Đ1. có hành vi vận chuyển hàng hóa qua biên giới trái pháp luật nhưng không xác định được số lượng, trị giá hàng hóa nên chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, chuyển xử lý hành chính và công khai giáo dục tại phiên tòa là phù hợp.

- Đối với số hàng hóa của Trần Thị V. chuyển từ Gò T.M. về, nhờ L. đem gửi Lê Văn D2., Dương Thị L2. không để mua bán nên Cơ quan điều tra không quy kết trách nhiệm đối với V., L. là phù hợp với quy định của pháp luật.

*[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị V.:*

Hành vi buôn lậu không chỉ làm thiệt hại đến nền kinh tế đất nước mà còn xâm hại đến trật tự xã hội, xâm phạm đến an ninh đối nội, đối ngoại, những quy định về xuất, nhập khẩu dẫn đến hậu quả Nhà nước không kiểm soát được hàng hóa nhập khẩu, gây thất thoát thuế xuất nhập khẩu của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của người tiêu dùng. Bị cáo Trần Thị V. đứng trước tòa là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi buôn lậu là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi bị cáo đã cố ý thực hiện. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, tuyên phạt Trần Thị V. 02 năm tù là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo V. đã vận động gia đình nộp xong hình phạt bổ sung với số tiền 40.000.000 đồng theo như án sơ thẩm đã tuyên; điều này thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và chấp hành pháp luật của bị cáo đối với hành vi phạm tội đã gây ra. Đây là tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có cung cấp đơn xin giảm nhẹ hình phạt được nhiều người dân tại địa phương nơi bị cáo cư trú đồng ký đơn, có xác nhận của UBND phường V.Ng., thành phố Đ.. Do vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội đã biết hối lỗi, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm cho bị cáo Trần Thị V. một phần hình phạt theo như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Thị V. không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị V.. Sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Thị V..

Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị V. 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 23/11/2021.

Áp dụng khoản 5 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo Trần Thị V. nộp phạt 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo V. đã nộp xong theo Biên lai thu tiền số 0001691 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ..

Bị cáo Trần Thị V. không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân thành phố Đ.;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Đ.;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Văn phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Tòa Hình sự; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**